TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 82 /2023/DS-ST
Ngày 29 / 9 /2023.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
- Hội thẩm nhân dân:
[1]. Bà Lê Thị Thận ;
[2]. Bà Nguyễn Thị Thu Hương ;
- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2023; về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 66 /2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Châu Thị L; sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn 5, xã N T, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Nguyễn V T; sinh năm 1991. (có mặt).
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ L, huyện Bg, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Ông Thới Văn M; sinh năm 1962. (vắng mặt).
Bà Thượng Thị Thu T; sinh năm 1968. (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã N T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/1/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: bà Châu Thị L có cho vợ chồng ông Thới Văn M và bà Thượng Thị Thu T vay tiền nhiều lần, cụ thể :

Lần thứ nhất: Ngày 10/9/2019 cho vay số tiền là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,666%/tháng. Việc vay tiền này được lập thành văn bản.

Lần thứ hai: Ngày 10/9/2019 cho vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,666%/tháng. Việc vay tiền này được lập thành văn bản.

Lần thứ ba: Ngày 17/10/2019 (âm lịch) tức ngày 13/11/2019 dương lịch, cho vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,666%/tháng. Việc vay tiền này được lập thành văn bản.

Đến hẹn tôi có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Minh, bà Thủy chỉ hứa hẹn nhưng không trả. Sau đó, vợ chồng ông Minh, bà Thủy nói rằng họ đang làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất tọa lạc tại thôn 1, xã Nghĩa Trung. Khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì họ sẽ thế chấp cho Ngân hàng lấy tiền trả nợ cho tôi. Tôi đồng ý.

Đến nay, vợ chồng ông Minh, bà Thủy đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , thông tin về thửa đất như sau:

Thửa đất số 757, Tờ bản đồ số 15; Diện tích: 255,2m2; Địa chỉ đất: thôn 1, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 22/12/2022. Số bìa GCN QSDĐ: DH 084593; Số vào sổ: CH 03870.

Tuy nhiên, vợ chồng ông Minh, bà Thủy không tiến hành vay Ngân hàng để trả nợ cho tôi mà đang làm thủ tục sang nhượng thửa đất trên cho người khác để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Từ các lẽ trình bày trên, nay nguyên đơn chính thức khởi kiện và yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết: Tuyên buộc vợ chồng ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu Thủy phải trả cho bà Châu Thị L tổng số tiền là 681.558.000đ (*Sáu trăm tám mươi mốt triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng*). Trong đó:

Tổng số tiền nợ gốc của 03 khoản vay là 410.000.000đ (*Bốn trăm mười triệu đồng*).

Tổng số tiền lãi của 03 khoản vay tính đến khi xét xử xong, tạm tính đến thời điểm khởi kiện là: 271.558.000đ (*Hai trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng*).

Chiết tính cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất:

Tiền gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Tiền lãi 1,666%/tháng x 40 tháng = 106.624.000đ (Một trăm linh sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Khoản vay thứ hai:

Tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tiền lãi 1,666%/tháng x 40 tháng = 99.960.000đ (Chín mươi chín triệu chín trăm sau mươi ngàn đồng).

Khoản vay thứ ba:

Tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tiền lãi 1,666%/tháng x 39 tháng = 64.974.000đ (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, cụ thể đề nghị tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc mà bị đơn đã vay tổng cộng 410.000.000đ.

Xét thấy theo các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp thì ngày 10/9/2019 bị đơn vay nguyên đơn hai lần, lần thứ 1 vay số tiền là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), lần 2 vay tiếp số tiền là 150.000.000đ, đến ngày ngày 17/10/2019 (âm lịch) tức ngày 13/11/2019 dương lịch, vay tiếp số tiền là 100.000.000đ. tổng cộng 410.000.000đ, khi vay tiền thì các bên có lập giấy vay tiền và bị đơn ký nhận. Bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, vì vậy cần buộc bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T liên đới trả cho bà Châu Thị L tổng số tiền gốc là 410.000.000đ.

Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền, khi vay không thỏa thuận về lãi suất, vì vậy cần tính lãi chậm trả và áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi 0,83%/1 tháng,

Cụ thể số tiền 310.000.000đ từ ngày 11/9/2020 đến nay 29/9/2023 là 36 tháng 18 ngày:
310.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 36 tháng 18 ngày = 94.171.800đ.

Cụ thể số tiền 100.000.000đ từ ngày 14/11/2020 đến nay 29/9/2023 là 34 tháng 15 ngày:
100.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 34 tháng 15 ngày = 28.635.000đ

Tổng tiền lãi 122.806.800đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi 532.806.800đ, cần buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T liên đới nộp án phí theo luật định , tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 532.806.800đ nên số tiền án phí là 25.312.272đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Thượng Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.631.160đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000873 ngày 06/2/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T liên đới trả cho nguyên đơn bà Châu Thị L số tiền gốc 410.000.000đ, tiền lãi 122.806.800đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 532.806.800đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn ông Thới Văn M, bà Thượng Thị Thu T liên đới nộp tiền án phí DSST là 25.312.272đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Châu Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.631.160đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000873 ngày 06/2/2023.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến